TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS – ST
Ngày: 05 – 5 – 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tí dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Thu
2. Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 348/2024/TLST – DS ngày 07 tháng 11 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST – DS ngày 14 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-DS ngày 04/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (N).

Địa chỉ: B L, phường L, Quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn P- Chuyên viên xử lý nợ. (có mặt)

Địa chỉ: Số F đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Trương Thành L, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: C ấp P, xã T, huyện L (nay là xã T, huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B1 theo 03 Hợp đồng vay và khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1.1 Theo Hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ số 53/18/HĐCV-9374 ký ngày 09/02/2018:

Số tiền nhận nợ: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); ngày nhận nợ: 09/02/2018; thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua 01 Xe ô tô mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số: 287/NH - 2017 Ký ngày 08/12/2017 giữa Bên B và CÔNG TY CP D; lãi suất vay kỳ đầu tiên: LSV kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 09/02/2019 là **9.2%/năm**; lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) **4.0%/ năm**; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay; lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày.

1.2 Theo Hợp đồng vay số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/79/21/HĐCV-9374 ký ngày 13/07/2021:

Số tiền nhận nợ: 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng); ngày nhận nợ: 13/07/2021; thời hạn vay: 300 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua BĐS tại thửa số 178, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; lãi suất vay kỳ đầu tiên: LSV kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 13/07/2022 là **10.6%/năm**; lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) **3.9%/ năm**; lãi suất quá hạn: 150% Lãi suất vay; lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày.

1.3 Theo Hợp đồng vay số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/89/21/HĐCV-9374 ký ngày 27/07/2021:

Số tiền nhận nợ: 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng); ngày nhận nợ: 27/07/2021; thời hạn vay: 300 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua BĐS tại thửa số 363, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: Xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; lãi suất vay kỳ đầu tiên: LSV kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 27/07/2022 là **10.6%/năm**; lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 3.9%/

năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay; lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên tại Ngân hàng TMCP Q. Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q 02 tài sản cụ thể:

- **Tài sản 01**: Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 58/18/HĐTC-9374 ký ngày 09/02/2018 giữa N với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ký ngày 09/02/2018; Tài sản là xe Ô tô con; Nhãn hiệu, xuất xứ: CHEVROLET; Số chỗ ngồi: 07; Màu sơn: Đen; Số khung: RLLYA7551HH947903; Số máy: F18D4172060062; Biển kiểm soát: 72A-236.27; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030489 do phòng CSGT –ĐBĐS Công an Tỉnh B cấp ngày 12/02/2018

- **Tài sản 02:** Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 102/21/HĐTC-9374 ký ngày 09/07/2021 giữa N với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 được Công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 09/07/2021, số công chứng 3187 quyển số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 09/07/2021; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ký ngày 09/07/2021; Tài sản là Đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 349389 ; Số vào sổ cấp GCN: CS 11009 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B cấp ngày 25/052021. Tài sản có Diện tích 6934,0 m^2; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến 01/07/2064; Thửa đất số 178; tờ bản đồ số 15; tọa lạc tại địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thực hiện các Hợp đồng cho vay; Khế ước nhận nợ; Hợp đồng thế chấp nêu trên Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân đầy đủ tổng số tiền 4.600.000.000đ (Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng) theo đúng yêu cầu của ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP Q. Ngày thực hiện nghĩa vụ cuối cùng của ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 với Ngân hàng TMCP Q là ngày 25/11/2022 nên khoản vay của ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 đã chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 25/11/2022.

Sau khi ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP Q đã nhiều lần liên hệ ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 để tạo điều kiện, đôn đốc nhiều lần yêu cầu trả nợ; gửi thông báo yêu cầu trả nợ, nhưng ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 không thực hiện, trốn tránh không làm việc với Ngân hàng TMCP Q nên đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Q.

Ngày 25/04/2024, Ngân hàng TMCP Q đã gửi thông báo khởi kiện cho ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1.

Tổng số tiền ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 đã đóng cho Ngân hàng TMCP Q là: 1.294.588.478đ, bao gồm: Nợ gốc: 538.217.708đ; lãi: 756.370.770đ.

Tạm tính đến ngày 05/5/2025 ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền: **5.707.029.149đ (**Năm tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, không trăm hai mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi chín đồng**),** cụ thể:

- Theo hợp đồng số 53/18/HĐCV-9374 ký ngày 09/02/2018: Nợ gốc: 166.791.470đ, lãi trong hạn: 28.876.722đ, lãi quá hạn: 47.310.386đ, lãi chậm trả: 4.965.175đ.

- Theo hợp đồng số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021: Nợ gốc: 2.849.995.822đ, lãi trong hạn: 940.400.795đ, lãi quá hạn: 79.113.945đ, lãi chậm trả: 121.394.149đ.

- Theo hợp đồng số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 cụ thể là: Nợ gốc: 1.044.995.000đ, lãi trong hạn: 348.628.126đ, lãi quá hạn: 29.377.327đ, lãi chậm trả: 45.180.232đ.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên. Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm tính đến ngày 05/5/2025 là: **5.707.029.149đ (**Năm tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, không trăm hai mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi chín đồng**),** bao gồm nợ gốc: 4.061.782.292 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.317.905.643 đồng; nợ lãi quá hạn: 155.801.658 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 171.539.556 đồng.

2. Buộc ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay, các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q kể từ ngày 06/5/2025 cho đến khi ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

3. Trường hợp sau khi Bản án/ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 không thực hiện trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi 02 tài sản cụ thể:

- Tài sản 01: Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 58/18/HĐTC-9374 ký ngày 09/02/2018 giữa N với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ký ngày 09/02/2018; Tài sản là xe Ô tô con; Nhãn hiệu, xuất xứ: CHEVROLET; Số chỗ ngồi: 07; Màu sơn: Đen; Số khung: RLLYA7551HH947903; Số máy: F18D4172060062; Biển kiểm soát: 72A-236.27; Theo Giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô số 030489 do phòng CSGT –ĐBĐS Công an tỉnh B cấp ngày 12/02/2018.

- Tài sản 02: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 102/21/HĐTC-9374 ký ngày 09/07/2021 giữa N với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 được Công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 09/07/2021, số công chứng 3187 quyển số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 09/07/2021; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ký ngày 09/07/2021; Tài sản là đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 349389 ; Số vào sổ cấp GCN: CS 11009 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B cấp ngày 25/052021. Tài sản có diện tích 6934,0m^2; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: Đến 01/07/2064; thửa đất số 178, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ của ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 tại Ngân hàng TMCP Q. Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

6. Buộc ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trương Thành L ***trình bày:***

Ông Trương Thành L xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 27/02/205 theo 3 hợp đồng vay: Hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ số 53/18/HĐCV-9374 ký ngày 09/02/2018; Hợp đồng vay số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/79/21/HĐCV-9374 ký ngày 13/07/2021; Hợp đồng vay số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/89/21/HĐCV-9374 ký ngày 27/07/2021.

- Đối với lãi quá hạn và lãi chậm trả tạm tính đến ngày 27/02/2025, ông L thống nhất với Ngân hàng TMCP Q đối với Hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ số 53/18/HĐCV-9374 ký ngày 09/02/2018 để mua ô tô.

- Đối với lãi quá hạn và lãi chậm trả tạm tính đến ngày 27/02/2025 của hai Hợp đồng vay số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/79/21/HĐCV-9374 ký ngày 13/07/2021; Hợp đồng vay số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/89/21/HĐCV-9374 ký ngày 27/07/2021:

Ông L cho rằng ông L đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng sản là đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 349389, diện tích 6934,0m^2 thuộc

thửa đất số 178, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Ria - Vũng Tàu theo Biên bản tự nguyện bàn giao tài sản (không nhớ cụ thể ngày tháng năm). Nên ông L chỉ đồng ý trả tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả của hai hợp đồng này tính đến ngày ông L bàn giao tài sản cho Ngân hàng. Còn sau ngày bàn giao tài sản cho Ngân hàng thì ông L không đồng ý thanh toán lãi quá hạn và lãi chậm trả. Ông L đề nghị được tự mình thanh toán tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng thay cho bà H1 vì lý do ông L và bà H1 đã ly hôn.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Như H1***:*** Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mời làm việc, thông báo hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần nhưng bị đơn bà H1 vắng mặt và không có bản tự khai, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông L, bà H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q, buộc ông L bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 15/7/2024 là 5.165.689.035đ. Và tiếp tục trả gốc, lãi cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật và các hợp đồng khi bản án có hiệu lực. Trường hợp ông L, bà H1 không trả tiền thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi bán đấu giá tài sản để thu hồi tiền gốc vay và lãi. Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải chịu mọi chi phí tố tụng, chi phí thanh lý tài sản phát sinh trong suốt quá trình giải quyết theo quy định của pháp luật và theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:*

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng; ông L, bà H1 cư trú tại huyện L (nay là huyện L) nên Tòa án xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn ông Trương Thành L thể hiện: Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (N) – Chi nhánh B1 theo 03 Hợp đồng vay và khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1.1 Theo Hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ số 53/18/HĐCV-9374 ký ngày 09/02/2018: Số tiền nhận nợ: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); ngày nhận nợ: 09/02/2018; thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua 01 Xe ô tô mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số: 287/NH - 2017 Ký ngày 08/12/2017 giữa Bên B và CÔNG TY CP D; lãi suất vay kỳ đầu tiên: LSV kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 09/02/2019 là 9.2%/năm; lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 4.0%/ năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay; lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày.

1.2 Theo Hợp đồng vay số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/79/21/HĐCV-9374 ký ngày 13/07/2021: Số tiền nhận nợ: 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng); ngày nhận nợ: 13/07/2021; thời hạn vay: 300 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua BĐS tại thửa số 178, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; lãi suất vay kỳ đầu tiên: LSV kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 13/07/2022 là 10.6%/năm; lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 3.9%/ năm; lãi suất quá hạn: 150% Lãi suất vay; lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày.

1.3 Theo Hợp đồng vay số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/89/21/HĐCV-9374 ký ngày 27/07/2021: Số tiền nhận nợ: 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng); ngày nhận nợ: 27/07/2021; thời hạn vay: 300 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải

ngân; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua BĐS tại thửa số 363, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: Xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; lãi suất vay kỳ đầu tiên: LSV kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 27/07/2022 là 10.6%/năm; lãi suất vay kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần theo công thức LSV bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) 3.9%/ năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay; lãi suất chậm trả lãi: Số tiền lãi phải trả nhưng chưa trả nhân (x) 10% nhân (x) số ngày chậm trả lãi (:) 365 ngày.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên tại Ngân hàng TMCP Q. Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q 02 tài sản, cụ thể:

- **Tài sản 01**: Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 58/18/HĐTC-9374 ký ngày 09/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ký ngày 09/02/2018; Tài sản là xe Ô tô con; Nhãn hiệu, xuất xứ: CHEVROLET; Số chỗ ngồi: 07; Màu sơn: Đen; Số khung: RLLYA7551HH947903; Số máy: F18D4172060062; Biển kiểm soát: 72A-236.27; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030489 do phòng CSGT –ĐBĐS Công an Tỉnh B cấp ngày 12/02/2018

- **Tài sản 02:** Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 102/21/HĐTC-9374 ký ngày 09/07/2021 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 được Công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 09/07/2021, số công chứng 3187 quyển số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 09/07/2021; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ký ngày 09/07/2021; Tài sản là đất và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 6934,0 m^2 thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 349389 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B cấp ngày 25/052021.

Các hợp đồng thế chấp tài sản đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện các Hợp đồng cho vay; Khế ước nhận nợ; Hợp đồng thế chấp nêu trên Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân đầy đủ tổng số tiền 4.600.000.000đ (Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng) cho ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay, ông L bà H1 mới đóng cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền là 1.294.588.478đ bao gồm: Nợ gốc: 538.217.708đ; lãi: 756.370.770đ. Số tiền còn lại, ông L bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo định kỳ từ ngày 25/11/2022 cho đến nay.

Tạm tính đến ngày 05/5/2025, ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 tiền của 03 hợp đồng vay tổng số tiền **5.707.029.149đ**

(Năm tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, không trăm hai mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó:

- Theo hợp đồng số 53/18/HĐCV-9374 ký ngày 09/02/2018: Nợ gốc: 166.791.470đ, lãi trong hạn: 28.876.722đ, lãi quá hạn: 47.310.386đ, lãi chậm trả: 4.965.175đ.

- Theo hợp đồng số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021: Nợ gốc: 2.849.995.822đ, lãi trong hạn: 940.400.795đ, lãi quá hạn: 79.113.945đ, lãi chậm trả: 121.394.149đ.

- Theo hợp đồng số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 cụ thể là: Nợ gốc: 1.044.995.000đ, lãi trong hạn: 348.628.126đ, lãi quá hạn: 29.377.327đ, lãi chậm trả: 45.180.232đ.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông L cho rằng đã bàn giao tài sản thế chấp là diện tích đất 6934,0 m^2 thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 349389 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B cấp ngày 25/052021 cho Ngân hàng TMCP Q. Nên ông L không đồng ý đối với lãi quá hạn và lãi chậm trả của Hợp đồng vay số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/79/21/HĐCV-9374 ký ngày 13/07/2021; Hợp đồng vay số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/89/21/HĐCV-9374 ký ngày 27/07/2021 tính từ thời điểm ông L bàn giao tài sản cho Ngân hàng. Ông L cung cấp Quyết định số 1035/2023/QĐ-NCB ngày 30/8/2023 của Ngân hàng TMCP Q về việc thu giữ tài sản đảm bảo khoản vay của ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 để xử lý nợ xấu. Đồng thời ông L cũng đề nghị trả nợ cho Ngân hàng thay cho bà Nguyễn Thị Như H1 với lý do hai vợ chồng ông bà đã ly hôn.

HĐXX xét thấy: Ngoài Quyết định số 1035 ngày 30/8/2023 thì ông L, bà H1 không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác. Nội dung của Quyết định này chỉ thể hiện Ngân hàng N thu giữ tài sản đảm bảo của ông L, bà H1 để giao cho Trung tâm xử lý nợ hoàn thiện các thủ tục và thực hiện việc thu giữ tài sản để xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ xấu cho Ngân hàng NCB. Xét nội dung của 03 hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP Q đã ký với bị đơn và các hợp đồng thế chấp tài sản thì không có thỏa thuận nếu Ngân hàng thu giữ tài sản đảm bảo thì sẽ ngừng không tính lãi quá hạn và lãi chậm trả.

Đồng thời, theo trình bày của đại diện nguyên đơn thì Ngân hàng TMCP Q mới chỉ ra quyết định thu giữ tài sản theo Quyết định thu giữ tài sản số 1034 và 1035 cùng ngày 30/8/2023 để thu giữ bất động sản và xe ô tô đã thế chấp. Ông L đồng ý bàn giao tài sản là bất động sản, không đồng ý bàn giao chiếc xe; bà H1 không đồng ý bàn giao bất động sản và xe. Nên thực tế ông L bà H1 chưa bàn giao tài sản thế chấp theo Quyết định thu giữ cho Ngân hàng, chưa có biên bản bản giao tài sản.

Ngân hàng chưa làm thủ tục niêm yết tài sản bị thu giữ tại UBND cấp xã, chưa đưa được tài sản ra công ty đấu giá để xử lý. Vì vậy ông L cho rằng không phải chịu lãi quá hạn, lãi chậm theo thỏa thuận tại các Hợp đồng vay số 79/21/HĐCV-9374 ký ngày 09/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/79/21/HĐCV-9374 ký ngày 13/07/2021; Hợp đồng vay số 89/21/HĐCV-9374 ký ngày 26/07/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 001/KUNN/89/21/HĐCV-9374 ký ngày 27/07/2021 từ ngày 30/8/2023 (ngày Ngân hàng có quyết định thu giữ tài sản đảm bảo) là không có cơ sở.

Đối với ý kiến của ông L đứng ra trả nợ cho Ngân hàng đối với phần nghĩa vụ của bà H1 do hai vợ chồng đã ly hôn nhưng ông L, bà H1 không cung cấp được chứng cứ về việc đã ly hôn; bà H1 không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 60 Luật hôn nhân gia đình trong trường hợp đã ly hôn thì bà H1 vẫn có nghĩa vụ cùng ông L trả nợ cho Ngân hàng đối với các khoản nợ này.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc ông L bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của 03 hợp đồng vay tạm tính đến ngày 05/5/2025 số tiền **5.707.029.149đ (Năm tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, không trăm hai mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi chín đồng).** Nếu ông L bà H1 không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thì hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Ngân hàng TMCP Q đã đóng nên ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Q.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q.
- Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 274, 275, 295, 298, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 237, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

1.1 Buộc ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm tính đến ngày 05/5/2025 là: **5.707.029.149đ (Năm tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, không trăm hai mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi chín đồng).** Trong đó: Nợ gốc: 4.061.782.292đ (Bốn tỷ, không trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng); nợ lãi trong hạn: 1.317.905.643đ (Một tỷ, ba trăm mười bảy triệu, chín trăm lẻ năm ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng); nợ lãi quá hạn: 155.801.658đ (Một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm lẻ một ngàn, sáu trăm năm mươi tám đồng); nợ lãi chậm trả lãi: 171.539.556đ (Một trăm bảy mươi mốt triệu, năm trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi sáu đồng).

1.2 Nếu ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi 02 tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Tài sản 1: Xe Ô tô con; Nhãn hiệu, xuất xứ: CHEVROLET; Số chỗ ngồi: 07; Màu sơn: Đen; Số khung: RLLYA7551HH947903; Số máy: F18D4172060062; Biển kiểm soát: 72A-236.27; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030489 do phòng CSGT –ĐBĐS Công an tỉnh B cấp ngày 12/02/2018 (Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 58/18/HĐTC-9374 ký ngày 09/02/2018 giữa N với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1);

- Tài sản 2: Đất và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 6934,0m^2 thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 349389 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B cấp ngày 25/052021. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 102/21/HĐTC-9374 ký ngày 09/07/2021 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 được Công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 09/07/2021, số công chứng 3187 quyển số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 09/07/2021).

1.3 Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ của ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 tại Ngân hàng TMCP Q thì ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

1.4 Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay, các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký với N kể từ ngày 06/5/2025 cho đến khi ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông TrươngThành L1, bà Nguyễn Thị Như H1 phải trả lại cho Ngân Hàng TMCP Q1 tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Thành L, bà Nguyễn Thị Như H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **113.707.029đ** (Một trăm mười ba triệu, bảy trăm lẻ bảy ngàn, không trăm hai mươi chín đồng).

- Trả lại Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm ứng án phí đã nộp **56.582.845đ** (Năm mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm bốn mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003804 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là huyện L).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/5/2025), hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ đối với đương sự vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Đất;
- THADS huyện Long Đất;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình